**Tiết 38-40: BÀI 34: BA TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG**

**CỦA HAI TAM GIÁC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức: SGAN23-24-GV56**

- HS hiểu được định lí về 3 trường hợp đồng dạng của hai tam giác (c-c-c).

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng.

**2. Về năng lực: SGAN23-24-GV56**

***\* Năng lực chung: SGAN23-24-GV56***

- Năng lực tự học: SGAN23-24-GV56 HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: SGAN23-24-GV56 HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***\* Năng lực đặc thù: SGAN23-24-GV56***

- Năng lực giao tiếp toán học: SGAN23-24-GV56 HS phát biểu được định lí về 3 trường hợp đồng dạng

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: SGAN23-24-GV56 vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết một số bài toán và tình huống thực tiễn. Có kĩ năng viết đúng các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng

**3. Về phẩm chất: SGAN23-24-GV56**

- Chăm chỉ: SGAN23-24-GV56 thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: SGAN23-24-GV56 thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: SGAN23-24-GV56 hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**: SGK, kế hoạch bài dạy,thước thẳng, bảng phụ, phấn màu...

**2. Học sinh**: SGK, thước thẳng, bảng phụ, phấn màu...

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Kích thích HS tìm hiểu về các trường hợp đồng dạng của hai tam giác

# **b) Nội dung: M**ảnh đất trồng hoa của nhà bạn Hằng có dạng hình tam giác với độ dài các cạnh là 2 m, 3 m, 4 m. Bạn Hằng vẽ tam giác ABC có độ dài các cạnh là 1 cm, 1,5 cm, 2 cm để mô tả hình ảnh mảnh vườn đó (Hình a). Bạn Khôi nói rằng tam giác ABC nhỏ quá và vẽ tam giác A'B'C' có độ dài các cạnh là 2 cm, 3 cm, 4 cm (Hình a). Hai tam giác A'B'C' và ABC có đồng dạng hay không?

**c) Sản phẩm:** Học sinh trả lời câu hỏi

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **M**ảnh đất trồng hoa của nhà bạn Hằng có dạng hình tam giác với độ dài các cạnh là 2 m, 3 m, 4 m. Bạn Hằng vẽ tam giác ABC có độ dài các cạnh là 1 cm, 1,5 cm, 2 cm để mô tả hình ảnh mảnh vườn đó (Hình a). Bạn Khôi nói rằng tam giác ABC nhỏ quá và vẽ tam giác A'B'C' có độ dài các cạnh là 2 cm, 3 cm, 4 cm (Hình a). Hai tam giác A'B'C' và ABC có đồng dạng hay không?    **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  GV: Để trả lời được câu hỏi này Cô cùng các em cùng tìm hiểu bài 34: Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết được trường hợp đồng dạng cạnh- cạnh- cạnh của tam giác

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS biết được trường hợp đồng dạng cạnh-cạnh-cạnh của tam giác

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  GV: Yêu cầu HS làm HĐ1 sgk trang 83 theo cá nhóm  GV: Gọi HS đọc lí SGK  GV: vẽ hình, yêu cầu HS viết GT, KL của định lý  - GV: Yêu cầu HS trả lời phần ? sgk  **\*Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS làm HĐ1 theo 4 nhóm  - HS trả lời **?** sgk theo cá nhân  **\*Báo cáo, thảo luận 1:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại kiến thức  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\*Kết luận, nhận định 1:**  GV yêu cầu một học sinh nhắc lại định lí về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác | **1) Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác**  **HĐ1:**  **Giải:**    **a)**ΔA’B’C’ ΔABC vì khi đó ΔA’B’C’= ΔABC ( c-c-c)  b)  - ΔAMN ΔABC ví MN cắt AB tại M và cắt AC tại N và MN // BC  - VìΔAMN ΔABC suy ra  mà AM = AB’ và      Do đó AN = A’C’; MN = B’C’  ⇒ ΔAMN ΔA’B’C’ (c-c-c)  - ΔA’B’C’ ΔABC  c) - ΔA’B’C’ ΔABC  **Định lí :** Nếu ba cạnh của tam giác này tỉ lệ với ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó đồng dạng với nhau.   |  |  | | --- | --- | | GT | ΔA’B’C’; ΔABC, | | KL | ΔA’B’C’ ΔABC |   C:\Users\Maytinhhadong.vn\AppData\Local\Temp\geogebra.png  **?**  a)ΔABC ΔHGK.  b) ΔDEF ΔMNP |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2:** * - Hoạt động cá nhân làm **VD1**(hình 9.14 trong SGK trang 84) * **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS lên bảng làm **VD1**.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh. | **Ví dụ 1:** Cho các tam giác ABC và M N P có 3AB = 4BC = 8CA, MN = 8 cm, NP = 6 cm, PM = 3 cm. Chứng minh rằng tam giác ABC tam giác MNP.    Giải:  Từ giả thiết ta có: 3MN=4BC=8CA và  3AB=4BC=8CA  Vậy ΔABC và ΔMNP có:    ⇒ ΔABC ΔMNP (c-c-c) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác

**b) Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm và làm đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - Hoạt động cặp đôi làm **Luyện tập 1** trong SGK trang 85 * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS đọc đề bài và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu một số nhóm cặp báo cáo kết quả  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh. | **Luyện tập 1:**  Cho tam giác ABC có chu vi bằng 18 cm và tam giác DEF có chu vi bằng 27 cm. Biết rằng AB = 4 cm, BC = 6 cm, DE = 6 cm, FD = 12 cm. Chứng minh ΔABC ΔDEF.  Giải:  - ΔABC có AB+AC+BC=18 mà AB=4 cm, BC= 6 cm. Suy ra AC = 8 cm.  - ΔDEF có DE+DF+EF=27 mà DE=6 cm, FD= 12 cm. Suy ra EF = 9 cm.  - ΔABC và ΔDEF có:    ⇒ ΔABC ΔDEF (c-c-c) |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác vào làm bài tập liên quan thực tế.

**b) Nội dung: Bài toán 1, Bài toán 2**

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức làm bài toán 1 và bài toán 2

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * **GV: Yêu cầu HS làm bài tập phần mở đầu:** * **Bài toán 1:**   - **M**ảnh đất trồng hoa của nhà bạn Hằng có dạng hình tam giác với độ dài các cạnh là 2 m, 3 m, 4 m. Bạn Hằng vẽ tam giác ABC có độ dài các cạnh là 1 cm, 1,5 cm, 2 cm để mô tả hình ảnh mảnh vườn đó (Hình a). Bạn Khôi nói rằng tam giác ABC nhỏ quá và vẽ tam giác A'B'C' có độ dài các cạnh là 2 cm, 3 cm, 4 cm (Hình a). Hai tam giác A'B'C' và ABC có đồng dạng hay không?    **Bài toán 2:**  **Một công viên có hai đường chạy bộ hình tam giác đồng dạng như hình 1. Kích thước của con đường bên trong lần lượt là 300 m, 350 m và 550 m. Cạnh ngắn nhất của con đường bên ngoài là 600 m. Nam chạy bốn vòng trên con đường bên trong, Hùng chạy hai vòng trên con đường bên ngoài. So sánh quãng đường chạy được của hai bạn.**     * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 1hs lên trình bày kết quả  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh. | * **Bài toán 1:**   Giải:  Ta có:  Do đó ΔA’B’C’ ΔABC (c-c-c)  **Bài toán 2:**  Ta có: ∆ABC  ∆DEF      Quãng đường Nam chạy bốn vòng trên con đường bên trong bằng:  4.(300 + 350 +550) = 4 800 m  Quãng đường Hùng chạy hai vòng trên con đường bên ngoài bằng:  2.(600 + 700 + 1100) = 4 800 m  Vậy quãng đường Hùng đã chạy bằng quãng đường Nam đã chạy. |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học và làm bài 9.6 SGK/90

- Nghiên cứu phần trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác.

**Tiết 2**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác

**b) Nội dung: HĐ1 trong sách giáo khoa trang 85**

**c) Sản phẩm:** Học sinh hình thành kiến thức về trường hợp đồng dạng thứ hai của 2 tam giác.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện **HĐ2:** * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS hoạt động theo nhóm thực hiện các yêu cầu trên  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 2 nhóm đại diện báo cáo kết quả  - HS các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh.  -GV: Vậy nếu hai cạnh của tam giác này tỉ lệ với hai cạnh của tam giác kia và hai góc tạo bởi các cặp cạnh đó bằng nhau thì hai tam giác đó đồng dạng với nhau. Đó là nội dung của định lí... | **HĐ2**   |  |  | | --- | --- | |  |  |   **Giải:**  +  + Đo BC = 2,6; B’C’= 3,9;  + ΔA’B’C’ ΔABC, tỉ số đồng dạng bằng |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác**

**a) Mục tiêu:** Giới thiệu cho HS biết và nhớ trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**   GV: Dựa vào kết quả của **HĐ2** nêu nội dung định lí  GV: Khẳng định lại định lý, yêu cầu HS đọc lại định lý  GV: vẽ hình, yêu cầu HS viết GT, KL của định lý  GV: Hướng dẫn HS chứng minh định lý  GV: Yêu cầu HS trả lời ? sgk/86  **\*Thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS: Phát biểu nội dung định lý SGK trang 85  - HS trả lời câu hỏi của giáo viên  **\*Báo cáo, thảo luận 1:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại kiến thức  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\*Kết luận, nhận định 1:**  GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung định lí về trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác. | **2.** **Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác**  **Định lí:** Nếu hai cạnh của tam giác này tỉ lệ với hai cạnh của tam giác kia và hai góc tạo bởi các cặp cạnh đó bằng nhau thì hai tam giác đó đồng dạng với nhau     |  |  | | --- | --- | | GT | ΔA’B’C’; ΔABC, | | KL | ΔA’B’C’ ΔABC. |   Chứng minh: (sgk/86)  **?**  **Giải:**  ΔABC ΔMNP vì ; |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2:** * - Hoạt động cá nhân làm **VD2**(hình 9.54 trong SGK trang 86) * - Hoạt động theo cá nhân * **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS lên bảng làm **VD2**  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh.  GV: Nêu nhận xét sgk/87 | **Ví dụ 2:** Cho ΔA'B'C'ΔABC và M, M' lần lượt là trung điểm của các cạnh BC, B’C’.  Chứng minh rằng ΔA'B'M'  ΔABM.    Giải:  Vì ΔA'B'C'ΔABC nên và    Do M, M’ lần lượt là trung điểm của BC, B’C’nên    Hai tam giác A’B’M’ và ABM có:  và (chứng minh trên)  Vậy ΔA'B'M'  ΔABM (c-g-c)  Nhận xét:  Nếu ΔA'B'C'  ΔABC theo tỉ số k và AM, A’M’ lần lượt là các đường trung tuyến của ΔA'B'C' và ΔABC thì |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác

**b) Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm và làm đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - Hoạt động cặp đôi làm Bài toán 1   HS hoạt động nhóm, thảo luận trong 1 phút thực hiện Bài toán 1  Nhóm 1: Xét ABC và DEF  Nhóm 2: Xét ABC và PQR  - GV: Dựa vào kết quả trên, DEF và PQR có đồng dạng không? Vì sao?   * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu một số nhóm cặp báo cáo kết quả  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh.  - GV lưu ý HS chú ý cách ghi hai tam giác đồng dạng đúng thứ tự các đỉnh, các cạnh tương ứng. | Bài toán 1: Cho hình vẽ sau:    a) ABC  DEF?  b) ABC PQR?  Giải:  \* Xét ΔABC và ΔDEF có:  và  Nên ΔABC  ΔDEF (c-g-c)  \*Xét ABC và PQR:  và  ABC không đồng dạng với PQR  \*Vì ΔABC  ΔDEF mà ABC không đồng dạng với PQR nên ΔABC không đồng dạng vớiPQR. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** vận dụng kiến thức trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác vào làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung: Bài toán 2**

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức làm **Bài toán 2**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - Hoạt động cá nhân làm bài toán 2: * Cho tam giác ADE và tam giác ACF có kích thước như hình bên. Chứng minh * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 1hs lên trình bày kết quả  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh | **Bài toán 2:**  C:\Users\Maytinhhadong.vn\AppData\Local\Temp\geogebra.png  Giải:  Xét hai tam giác ADE và ACF, có  (hai góc đối đỉnh);    ⇒ ΔADE  ΔACF (c-g-c)  Do đó |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học và làm bài **9.7, 9.8** SGK/90

- Nghiên cứu trước bài trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác

**Tiết 3**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác

**b) Nội dung: HĐ3, HĐ4 trong sách giáo khoa trang 88**

**c) Sản phẩm:** Học sinh hình thành kiến thức về trường hợp đồng dạng thứ ba của 2 tam giác.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện **HĐ3, HĐ4:** * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   HS hoạt động theo nhóm thực hiện các yêu cầu trên  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 2 nhóm đại diện báo cáo kết quả  - HS các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh.  -GV: Vậy nếu hai góc của tam giác này lần lượt bằng hai góc của tam giác kia thì hai tam giác đó đồng dạng với nhau. Đó là nội dung của định lí... | **HĐ3:**  - ΔA'B'C'  ΔABC theo  **HĐ4:**  - ΔA'B'C'  ΔABC    Vậy khoảng cách từ bạn tròn đến chân cột cờ bằng 18,8 m |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác**

**a) Mục tiêu:** Giới thiệu cho HS biết và nhớ trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**   GV: Dựa vào kết quả của **HĐ3** nêu nội dung định lí  GV: Khẳng định lại định lý, yêu cầu HS đọc lại định lý  GV: vẽ hình, yêu cầu HS viết GT, KL của định lý  GV: Hướng dẫn HS chứng minh định lý  GV: Yêu cầu HS trả lời ? sgk/89  **\*Thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS: Phát biểu nội dung định lý SGK trang 88  - HS trả lời câu hỏi của giáo viên  **\*Báo cáo, thảo luận 1:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại kiến thức  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\*Kết luận, nhận định 1:**  GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung định lí về trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác. | **3.** **Trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác**  **Định lí:** Nếu hai góc của tam giác này lần lượt bằng hai góc của tam giác kia thì hai tam giác đó đồng dạng với nhau     |  |  | | --- | --- | | GT | ΔA’B’C’; ΔABC, | | KL | ΔA’B’C’ ΔABC. |   Chứng minh: (sgk/88)  **?**  **Giải:**  ΔABC ΔDEF vì ΔMNP có  - ΔABC  ΔMPN  - ΔDEF  ΔMPN |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2:** * - Hoạt động cá nhân làm **VD3**(hình 9.23 trong SGK trang 89) * - Hoạt động theo cá nhân * **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**   - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu lên bảng làm **VD3**  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh.  GV: Nêu nhận xét sgk/89 | **Ví dụ 3:** Cho ΔA'B'C'ΔABC và AM, A’M' lần lượt là các đường phân giác của tam giác ABC và tam giác A’B’C’.  Chứng minh rằng ΔA'B'M'  ΔABM.   |  |  | | --- | --- | |  | Hình 9.2 |   Giải:  Vì ΔA'B'C'ΔABC nên và    Vì AM, A’M’ lần lượt là các đương phân giác của tam giác ABC và tam giác A’B’C’ nên    Hai tam giác A’B’M’ và ABM có:  và(chứng minh trên)  Vậy ΔA'B'M'  ΔABM (g-g)  Nhận xét:  Nếu ΔA'B'C'  ΔABC theo tỉ số k và AM, A’M’ lần lượt là các đường phân giác của ΔA'B'C' và ΔABC thì |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác

**b) Nội dung:** HS đọc SGK làm **Luyện tập 3:**

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm **Luyện tập 3:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** * - Hoạt động cặp đôi làm luyện tập 3   HS hoạt động nhóm, thảo luận trong 3 phút thực hiện  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát các hình vẽ và thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu một số nhóm cặp báo cáo kết quả  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh. | **Luyện tập 3:**    Giải:  \* Xét ΔABC và ΔADB có:  và chung  Nên ΔABC ΔADB (g-g) |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** vận dụng kiến thức trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác vào làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung: Bài toán 1**

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức làm **Bài toán 1**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| * **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**   **Bài toán 1 (Bài tập trắc nghiệm)**  ***Câu 1***: Hai tam giác đều luôn đồng dạng với nhau:  Đúng  Sai  ***Câu 2***: Hai tam giác vuông thì đồng dạng với nhau:  Đúng  Sai  ***Câu 3***: Hai tam giác ABC và DEF có  thì tam giác ABC đồng dạng tam giác DEF:  Đúng  Sai  ***Câu 4***: Nếu tam giác ABC đồng dạng với tam giác MNP theo tỉ số k = 0,5 và chu vi tam giác ABC bằng 60cm thì chu vi tam giác MNP bằng 120cm:  Đúng  Sai   * **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**   - HS trả lời các câu hỏi theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của học sinh   * Giáo viên liên hệ thực tế về trường hợp góc- góc. | **Bài toán 1:**  **Câu 1:**  **Đáp án:** Đúng  **Câu 2:**  **Đáp án:** Sai  **Câu 3:**  **Đáp án:** Sai  **Câu 4:**  **Đáp án:** Đúng |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học và làm bài **9.9, 9.10** SGK/90

- Nghiên cứu trước bài 35